

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1254/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/07/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;
2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Tuyết Mai – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lưu Thị Ngọc T, sinh năm:1984; thường trú: 118/71/12 đường L, khu phố 8, phường Bình Hưng H, quận B T, Thành phố H.

Bà Lưu Thị Ngọc T có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Lê Hiền A, sinh năm:1985; thường trú: 118/71/12 đường L, khu phố 8, phường Bình Hưng H, quận B T, Thành phố H.

Ông Lê Hiền A có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T trình bày: bà và ông Lê Hiền A có thời gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố H cấp ngày 21 tháng 9 năm 2006.

Quá trình chung sống: bà và ông Lê Hiền A chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Hiền A không quan tâm đến vợ con, thường hay đánh đập bà, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Lê Hiền A nữa. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay bà và ông Lê Hiền A không còn chung sống với nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hiền A.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông Lê Hiền A có 02 con chung tên Lê Ngọc Trúc Uyên, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2007 và Lê Trọng Hiếu, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Trọng H và giao trẻ Lê Ngọc Trúc U cho ông Lê Hiền A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Lê Hiền A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: bà xác định không có.

Bị đơn ông Lê Hiền A trình bày: ông xác định quá trình kết hôn, quá trình chung sống đúng như bà Lưu Thị Ngọc T trình bày. Ông cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông không làm chủ được hành vi nên nhiều lần đã đánh vợ. Tuy nhiên, ông còn thương vợ, qua yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị Ngọc T ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà Lưu Thị Ngọc T trở về đoàn tụ chung sống lại với nhau.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông và bà Lưu Thị Ngọc T có 02 con chung tên Lê Ngọc Trúc U, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2007 và Lê Trọng Hiếu, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu bà Lưu Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông xác định không có.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A. Kết quả trả lời theo công văn số 1770/UBND của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 6 năm 2022 như sau: “1. Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B chưa nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn tranh chấp đối với trường hợp đương sự bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A; 2. Về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án: về nội dung này Ủy ban nhân dân phường không rõ”.

Tại phiên tòa:

- Bà Lưu Thị Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Ông Lê Hiền A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;
- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tuyền giao trẻ Trúc Uyên cho ông Anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Trọng Hiếu cho bà Tuyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu nên không xem xét.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A có đăng ký kết hôn, bà Lưu Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Lê Hiền A nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thủ tục tố tụng: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 173 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2006 cho bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A cùng lời khai của bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Lưu Thị Ngọc T thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Hiền A không quan tâm đến vợ con, thường hay đánh đập bà Tuyền, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà và ông Lê Hiền A không chung sống với nhau từ 11 năm 2021 đến nay. Vì vậy bà Lưu Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hiền A. Phía ông Lê Hiền A cho rằng mâu thuẫn là do ông không làm chủ được hành vi nên nhiều lần đã đánh bà Tuyền. Tuy nhiên, ông còn thương vợ, qua yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị Ngọc T ông không đồng ý.

Xét, hôn nhân là phải dựa trên tự nguyện và vợ chồng phải bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, bà Tuyền và ông Lê Hiền A đều xác định mâu thuẫn là do ông Lê Hiền A nhiều lần có hành vi bạo hành gia đình đánh đập bà Tuyền. Điều này chứng tỏ hôn nhân của bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không hạnh phúc. Hơn nữa, tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành bà Lưu Thị Ngọc T xác định không còn tình cảm với ông Lê Hiền A và cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hiền A. Mặt khác, bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A không chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2021 đến nay nên ông Lê Hiền A không đồng ý ly hôn vì lý do ông còn tình cảm với bà Tuyền là không có cơ sở chấp nhận. Vì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.” và “Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau . . .” (Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình). Bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà Tuyền là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A có 02 con chung tên Lê Ngọc Trúc U (nữ), sinh ngày 31 tháng 3 năm 2007 và Lê Trọng H (nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013. Bà Lưu Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê

Trọng H (nam) không yêu cầu ông Lê Hiền A cấp dưỡng nuôi con chung và yêu cầu được giao trẻ Lê Ngọc Trúc U (nữ) cho ông Lê Hiền A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hiền A cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông Lê Hiền A không cung cấp chứng cứ chứng minh cho khả năng có thể trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và xin vắng mặt tại phiên hòa giải tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án. Mặt khác, căn cứ vào Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án trẻ Lê Ngọc Trúc U (nữ), sinh ngày 31 tháng 3 năm 2007 và Lê Trọng H (nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013 đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ Uyên và trẻ Hiếu và các cháu đều muốn sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, bà Lưu Thị Ngọc T yêu cầu được nuôi trẻ Lê Trọng H (nam) và đồng ý giao trẻ Lê Ngọc Trúc U (nữ) cho ông Lê Hiền A trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ Uyên và trẻ Hiếu được chăm sóc, giáo dục đầy đủ, xét yêu cầu của bà Lưu Thị Ngọc T là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Lê Trọng H (nam) cho bà Lưu Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Lê Ngọc Trúc U (nữ) cho ông Lê Hiền A được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A cùng xác định không có nên không xem xét.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lưu Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Lê Hiền A .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lưu Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Hiền A .

Giấy chứng nhận kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2006 cho bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A không còn giá trị.

1.2. Về con chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A có 02 con chung tên Lê Ngọc Trúc U (nữ), sinh ngày 31 tháng 3 năm 2007 và Lê Trọng H (nam), sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013.

Giao trẻ Lê Ngọc Trúc U (nữ) cho ông Lê Hiền A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Lê Trọng H (nam) cho bà Lưu Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà Lưu Thị Ngọc T và ông Lê Hiền A cùng xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lưu Thị Ngọc T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Lưu Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0033170 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án

dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lưu Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga